TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2018/HS-ST
Ngày 18-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Mai Anh – Thư ký, Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2018/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Mạnh Q, sinh năm 1981, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 4, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc Q1 và bà Hoàng Thị D; có vợ là Bùi Thị L và 2 con; tiền án: Tại bản án số 28/2012/ HSST ngày 05 tháng 3 năm 2012, Tòa án nhân dân huyện T xử 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và bản án số 140/2014/ HSST ngày 12 tháng 12 năm 2014, Tòa án nhân dân huyện T tuyên xử 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ra tù ngày 30 tháng 7 năm 2016 (đều chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30 tháng 8 năm 2017, tạm giam từ ngày 08 tháng 9 năm 2017 đến ngày 24 tháng 11 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh; có mặt.

2. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1991, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 105 L, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị L2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30 tháng 8 năm 2017, tạm giam từ ngày 08 tháng 9 năm 2017 đến ngày 24 tháng 11 năm 2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh; có mặt.

- *Bị hại*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn bê tông xây dựng P; địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Hà Văn P1, sinh năm 1959, Tổng giám đốc; nơi cư trú: Số 205 Tổ Trúc Sơn, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo L1*: Ông Trần Hữu K, Luật sư văn phòng Luật sư L, đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, qua rà soát camera, Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng bê tông P(gọi tắt Công ty TNHH P), có địa chỉ tại thôn P, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng phát hiện Bùi Mạnh Q sinh năm 1981, đăng ký thường trú: thôn 4, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng và Nguyễn Văn L1 sinh năm 1991, đăng ký thường trú tại số 105 L, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng đã trộm cắp bê tông thương phẩm của Công ty vào các ngày 8, 15 và 27 tháng 8 năm 2017. Sau đó, ông Hà Văn P1, sinh năm 1960 là Giám đốc của Công ty đã có đơn trình báo gửi Công an huyện A.

Tại Cơ quan điều tra, Bùi Mạnh Q và Nguyễn Văn L1 khai nhận: Bùi Mạnh Q là lái xe bồn (loại xe chở bê tông thương phẩm) của Công ty TNHH P. Tháng 7 tháng 2017, Q nảy sinh ý định trộm cắp bê tông thương phẩm của Công ty để bán lấy tiền tiêu sài. Q rủ Nguyễn Văn L1 là nhân viên trạm trộn bê tông của Công ty cùng trộm cắp với Q, L1 đồng ý. Q và L1 bàn bạc, thống nhất: Q có nhiệm vụ tìm nơi tiêu thụ bê tông, chở bê tông đi bán lấy tiền, còn L1 sau khi được Q báo số lượng bê tông cần trộm cắp sẽ sắp xếp thời gian phù hợp, sau đó báo lại cho Q để Q trực tiếp lái xe ô tô chở bê tông vào khu vực trạm trộn. Sau đó, lợi dụng lúc tại trạm trộn không có người, L1 điều khiển máy trộn bê tông rồi đổ bê tông thương phẩm vào xe để Q chở đi bán. Q và L1 thống nhất mỗi người sẽ được hưởng lợi 50% số tiền bán bê tông trộm cắp được.

Với cách thức như trên, Q và L1 đã cùng nhau trộm cắp tại Công ty TNHH P nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 08 tháng 8 năm 2017, Q và L1 đã trộm cắp tại Công ty TNHH P 10m^3 bê tông thương phẩm, loại Mác 250, Q khai bán cho Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1986, ở thôn N, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng với giá 2.000.000đồng, Q và L1 mỗi người được hưởng lợi 1.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 15 tháng 8 năm 2017, Q và L1 trộm cắp tại Công ty TNHH P 10m^3 bê tông thương phẩm, loại Mác 250, Q khai bán cho Nguyễn Văn Q1, với giá 2.000.000đồng, Q và L1 mỗi người được hưởng lợi 1.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 27 tháng 8 năm 2017, Q và L1 trộm cắp tại Công ty TNHH P 10m^3 bê tông thương phẩm, loại Mác 300, Q khai bán cho Nguyễn Văn Q1, với giá 3.000.000đồng, Q và L1 mỗi người được hưởng lợi 1.500.000 đồng.

Theo quy định của Công ty TNHH P, quy trình hoạt động của Công ty như sau: Phòng kinh doanh của công ty có nhiệm vụ nhận đơn hàng từ khách hàng. Khi có đơn hàng, cán bộ kỹ thuật của phòng kinh doanh sẽ thông báo số lượng cho nhân viên trạm trộn và lái xe đến trạm trộn để nhận hàng. Sau khi nhân viên trạm trộn nhận được thông báo sẽ vận hành trộn bê tông, rồi đổ bê tông đã trộn xuống xe mà lái xe đã đỗ sẵn ở trạm trộn. Khi vận hành trộn bê tông xong, nhân viên trạm trộn sẽ in hóa đơn thành 04 (bốn) liên, trong đó nhân viên trạm trộn giữ lại 01 (một) liên, lái xe giữ 03 (ba) liên. Sau khi nhận được bê tông, lái xe điều khiển xe ra khu vực trạm cân. Nhân viên trạm cân sẽ xác nhận trọng lượng vào hóa đơn của lái xe. Lái xe đưa cho bảo vệ của Công ty 01 liên, bảo vệ kiểm tra xong rồi kẹp chì thì lái xe mới được điều khiển xe ra khỏi Công ty. Đối với 02 (hai) liên còn lại, lái xe đưa cho khách hàng kí vào 01 liên rồi mang về nộp lại cho Công ty, còn 01 liên đưa cho khách hàng giữ. Các lần trên, Q và L1 đều không thực hiện theo quy trình hoạt động của Công ty nhằm chiếm đoạt số bê tông trên. Cụ thể, tại các lần L1 đều không ghi thông tin vào máy tính quản lý của Công ty, không in phiếu xuất hàng. Q sau khi nhận được bê tông từ L1 đã không đi qua khu vực trạm cân để xác nhận trọng lượng bê tông. Khi đi qua khu vực bảo vệ, Q nói với bảo vệ Công ty là xe bị hỏng mang đi sửa. Do nội quy của Công ty quy định khi xe hỏng thì lái xe tự mang xe đi sửa nên bảo vệ đã để Q ra khỏi cổng Công ty.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A ngày 06 tháng 9 năm 2017 kết luận: 10m^3 bê tông thương phẩm, loại Mác 300 trị giá 8.150.000 đồng (tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) và bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A ngày 18 tháng 11 năm 2017 kết luận: 20m^3 bê tông thương phẩm, loại Mác 250 trị giá 15.100.000 đồng (mười lăm triệu một trăm nghìn đồng)

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Bùi Mạnh Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo Nguyễn Văn L1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà bị cáo Bùi Mạnh Q và Nguyễn Văn L1 khai nhận đã ba lần chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH P như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Sau khi vụ việc bị phát hiện, các bị cáo đã chủ động nộp lại số tiền 3.000.000đồng tiền bán bê tông của Công ty TNHH P ngày 28 tháng 7 năm 2017 và bồi thường thiệt hại cho Công ty. Các bị cáo xác định bản thân vi phạm pháp luật, việc điều tra, truy tố, xét xử là đúng người đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người đại diện theo pháp luật và theo ủy quyền của bị hại trình bày ý kiến: Về hành vi phạm tội của các bị cáo Công ty không còn ý kiến gì. Sau khi vụ việc bị

phát hiện bị cáo L1, Q đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty nên Công ty không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L1 trình bày ý kiến bảo vệ quyền lợi cho bị cáo: Về tội danh và khung hình phạt không có ý kiến gì. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 và các điều 36, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 mức án cải tạo không giam giữ.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội đối với các bị cáo. Qua phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Bùi Mạnh Q từ 24 đến 30 tháng tù về tội " *Trộm cắp tài sản* ". Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án về tội " *Trộm cắp tài sản* ". Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 3.000.000đồng là khoản tiền do các bị cáo phạm tội mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ so vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị hại và người làm chứng: Tại phiên tòa bị hại vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt, những người làm chứng đều vắng mặt. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra,bị hại và những người làm chứng đều đã được Cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên việc vắng mặt của bị hại và những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử các bị cáo tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và những người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên, người bào chữa

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo L1 không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[4] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp của người làm chứng, phù hợp với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận vào tháng 8 năm 2017, các bị cáo Bùi Mạnh Q và Nguyễn Văn L1 đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH P. Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ. Do vậy, Hội Đồng xét xử kết luận các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản ", tội phạm được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt một mức án nhất định mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[6] Đối với bị cáo Nguyễn Văn L1: Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, trị giá tài sản bị cáo và Bùi Mạnh Q chiếm đoạt của Công ty TNHH P là 23.250.000đồng nên hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L1 đã vi phạm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Đối với bị cáo Bùi Mạnh Q: Trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH P cùng với bị cáo Nguyễn Văn L1 bị cáo đã có hai tiền án, tại bản án số 28/2012/ HSST ngày 05 tháng 3 năm 2012, Tòa án nhân dân huyện T xử 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và bản án số 140/2014/ HSST ngày 12 tháng 12 năm 2014, Tòa án nhân dân huyện T tuyên xử 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo ra tù ngày 30 tháng 7 năm 2016. Tính đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa án. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã có hành vi ba lần chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH P, trị giá tài sản mỗi lần chiếm đoạt được đều trên 2.000.000đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự "phạm tội hai lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:* Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Văn L1 chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo Bùi Mạnh Q và Nguyễn Văn L1 đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty TNHH P, người đại diện hợp pháp của Công ty có quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện các bị cáo đã nộp lại số tiền thu lời bất chính cho Cơ quan điều tra nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[10] Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L1 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ là không có căn cứ bởi lẽ bị cáo Nguyễn Văn L1 đã 3 lần thực hiện hành vi phạm tội vi phạm điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên bị cáo không được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như quan điểm của người bào chữa đã đưa ra tại phiên tòa.

- Vụ án có đồng phạm, Hội đồng xét xử đánh giá, phân hoá vai trò như sau:

[11] Bị cáo Bùi Mạnh Q là người chủ mưu đề xuất việc phạm tội, trực tiếp tìm nơi tiêu thụ bán tài sản nên bị cáo phải chịu mức hình phạt nặng hơn bị cáo Nguyễn Văn L1.

[12] Bị cáo Nguyễn Văn L1 phạm tội với vai trò thực hành, đồng phạm giúp sức cho bị cáo Q chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo thấp hơn bị cáo Bùi Mạnh Q.

[13] Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn L1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51, hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và có một tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, chưa bị kết án, bị xử lý hành chính.. nên không cần thiết buộc bị cáo phải cải tạo cách ly xã hội mà nên áp dụng Điều 65 bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, thể hiện sự khoA của pháp luật và giao bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo**.**

[14] Bị cáo Bùi Mạnh Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là có căn cứ.

- Về hình phạt bổ sung

[15] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 các bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng để sung vào ngân sách quỹ nhà nước. Xét tính chất, mức độ tội phạm của các bị cáo và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[16] Sau khi vụ án bị phát hiện các bị cáo đã nộp lại số tiền 3.000.000đồng là tiền bán số bê tông các bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty TNHH P ngày 27 tháng 8 năm 2017 cho Cơ quan điều tra, hiện đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Ngoài ra tài liệu hồ sơ xác định trong các ngày 8 và 15 tháng 8 năm 2017 các bị cáo còn có hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH PhúcTiến đem đi bán mỗi bị cáo còn được hưởng số tiền 2.000.000đồng. Đây là khoản tiền do phạm tội mà có tuy nhiên do các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại nên không buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền trên. Do vậy, trả lại cho các bị cáo số tiền các bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra.

- Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác:

[17] Bị cáo Nguyễn Văn L1 và Bùi Mạnh Q đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty TNHH P, Công Ty không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường và cũng không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét. Số tiền 3.000.000đồng các bị cáo có được do bán bê tông cho Nguyễn Văn Q1, anh Quyết không yêu cầu các bị cáo phải trả lại nên không còn gì phải xét.

[18] Trong vụ án này, Nguyễn Văn Q1 là người mua bê tông thương phẩm của Bùi Mạnh Q nhưng không biết tài sản này do Q trộm cắp mà có, nên không đủ căn cứ để khởi tố về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[19] Ông Bùi Văn H1 và Nguyễn Mạnh H2 là bảo vệ của Công ty TNHH P. Cả ông Hừa và Hiền đều không biết việc trộm cắp bê tông thương phẩm của Q và L1. Khi điều khiển xe qua cổng, Q nói với các ông là Q mang xe đi sửa, nên các ông đã đồng ý cho Q điều khiển xe ra khỏi cổng. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý đối với ông Hừa, Hiền theo quy định của pháp luật.

[20] Đối với lần trộm cắp xảy ra vào giữa tháng 7 năm 2017, tài liệu trong hồ sơ vụ án của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A không đủ căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí:

[21] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Bùi Mạnh Q 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 30 tháng 8 năm 2017 đến ngày 24 tháng 11 năm 2017.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 17, 58, khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn L1 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24(hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án về tội " Trộm cắp tài sản".

Giao bị cáo Nguyễn Văn L1 cho Ủy ban nhân dân phường L, Quận L, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Bùi Mạnh Q và Nguyễn Văn L1.

Về biện pháp tư pháp: Trả lại cho bị cáo Bùi Văn Q và Nguyễn Văn L1, mỗi bị cáo 1.500.000đồng trong số tiền 3.000.000đồng Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục Thi hành án huyện A.

(biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện A và Chi cục Thi hành án huyện A ngày 04 tháng 4 năm 2018).

Về án phí*:* Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc các bị cáo Bùi Mạnh Q và Nguyễn Văn L1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Bùi Mạnh Q và Nguyễn Văn L1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Cơ quan điều tra Công an huyện A;
-Chi cụcThi hành án hình sự huyện A.;
- Phòng PV 27 CATP; Phòng PC 81 CATP;
- Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;;
- Bị cáo, bị hại, người bào chữa;.
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương